

MỤC LỤC		Trang
PHẦN MỞ ĐẦU		3
CHƯƠNG I : NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG		3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ		3
Điều 2. Tên, địa chỉ, hình thức hoạt động và tư cách pháp nhân của Công ty .		4
Điều 3. Thời gian hoạt động .		4
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của công ty .		4
Điều 5. Mục tiêu kinh doanh .		5
Điều 6. Ngành nghề kinh doanh		5
Điều 7. Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh		6
Điều 8. Tổ chức đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác.		6
CHƯƠNG II : QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY		6
Điều 9. Quyền của Công ty		6
Điều 10. Nghĩa vụ của Công ty		8
Điều 11. Quyền lợi nghĩa vụ đối với người lao động		8
CHƯƠNG III : VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG		9
<u>MỤC 1: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ GÓP VỐN CỔ PHẦN, MỆNH GIÁ CỔ PHẦN.</u>		9
Điều 12. Vốn điều lệ, cổ phần và mệnh giá cổ phần của công ty		9
Điều 13. Thực hiện góp vốn và cấp cổ phiếu .		9
Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông		10
<u>MỤC 2: CỔ ĐÔNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI LOẠI CỔ ĐÔNG</u>		10
<u>CÁC LOẠI CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU.</u>		
Điều 15. Quy định chung về cổ đông .		10
Điều 16. Các loại cổ phần .		11
Điều 17. Quyền của cổ đông .		12
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông .		14
Điều 19. Cổ phiếu .		14
Điều 20. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần .		15
Điều 21. Thừa kế cổ phiếu .		16
<u>MỤC 3: CÁC TRƯỜNG HỢP CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN YÊU CẦU CÔNG</u>		16
<u>TY MUA LẠI CỔ PHẦN.</u>		
Điều 22. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông .		16
Điều 23. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty		16
Điều 24. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại		17
CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI		17
<u>NHUẬN, LẬP QUỸ VÀ TRẢ CỔ TỨC.</u>		
Điều 25. Chế độ tài chính.		17
Điều 26. Phân phối lợi nhuận .		18
Điều 27. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức		20
Điều 28. Báo cáo tài chính – kiểm toán		20
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		21
<u>MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.</u>		21
Điều 29. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát.		21
Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty.		21
Điều 31 . Thư ký Công ty		21

<u>MỤC 2: HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.</u>	22
Điều 32. Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp hội đồng cổ đông	23
Điều 34. Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông .	23
Điều 35. Chương trình và nội dung họp đại hội đồng cổ đông .	24
Điều 36. Mời họp đại hội đồng cổ đông	25
Điều 37. Dự họp đại hội đồng cổ đông	26
Điều 38. Điều kiện thể thức tiến hành họp đại hội đồng cổ đông .	26
Điều 39. Thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông .	27
Điều 40. Biên bản họp đại hội đồng cổ đông	30
Điều 41. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông.	30
CHƯƠNG VI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT.	31
<u>MỤC 1: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.</u>	31
Điều 42. Hội đồng quản trị .	31
Điều 43. Tiêu chuẩn thành viên hội đồng quản trị	33
Điều 44. Chủ tịch , thành viên hội đồng quản trị .	34
Điều 45. Quyền lợi của thành viên hội đồng quản trị .	35
Điều 46. Cuộc họp hội đồng quản trị .	35
Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin .	36
Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên hội đồng quản trị .	36
<u>MỤC 2: GIÁM ĐỐC CÔNG TY, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.</u>	37
Điều 49. Giám đốc công ty, công nhân viên và công đoàn	37
<u>MỤC 3: BAN KIỂM SOÁT.</u>	39
Điều 50. Ban kiểm soát và nhiệm vụ của ban kiểm soát .	39
Điều 51. Cung cấp thông tin cho ban kiểm soát .	41
Điều 52. Những người không được làm Kiểm soát viên .	41
<u>MỤC 4: MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC.</u>	41
Điều 53. Trách nhiệm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác.	41
Điều 54. Công khai thông tin và lưu trữ tài liệu của Công ty và quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Công ty.	44
CHƯƠNG VII: GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG.	45
Điều 55. Các trường hợp giải thể và thủ tục giải thể doanh nghiệp .	45
Điều 56. Tố tụng, tranh chấp .	46
CHƯƠNG VIII: KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT	46
Điều 57. Khen thưởng .	46
Điều 58. Kỷ luật .	47
CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.	47
Điều 59. Thời điểm hoạt động của Công ty.	47
Điều 60. Áp dụng các điều khoản của điều lệ Công ty	47
Điều 61. Thể thức sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty	47
Điều 62. Quản lý và sử dụng con dấu.	47
Điều 63. Điều khoản cuối cùng .	48

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp.

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 70/2006/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật chứng khoán;

- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

- Điều lệ này được soạn thảo trên cơ sở sửa đổi Điều lệ ngày 24 tháng 4 năm 2016 theo nội dung sửa đổi Điều lệ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 05 tháng 4 năm 2018.

CHƯƠNG I: NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a/ "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 12 Điều lệ này;

b/ "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c/ "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

d/ "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

đ/ "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

e./"Thành viên HĐQT không điều hành"(sau đây gọi là thành viên không điều hành): là thành viên HĐQT được quy định tại Điểm 6, khoản 1, Điều 2 Nghị định 71: không phải là Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

f "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 3 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

g/ "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2: Tên, địa chỉ, hình thức hoạt động và tư cách pháp nhân của Công ty.

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương
- Tên tiếng Anh: Hai Duong Mining Joint Stock Company
- Tên giao dịch: Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương
- Tên viết tắt: HAMICO

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Điện thoại: 02203.821.338 Fax: 02203.821.557

- E-mail: Hamicokshd@gmail.com

- Website: WWW.Khoangsanhaiduong.com

3. Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương:

- Thuộc sở hữu của các cổ đông.

- Là một pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, được mở tài khoản tại các ngân hàng và có con dấu riêng để hoạt động.

- Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và cam kết của mình với người lao động, với khách hàng bằng toàn bộ số vốn và tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Năng lực tài chính của Công ty tại từng thời điểm được thể hiện trên các báo cáo tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Thời gian hoạt động.

- Thời gian hoạt động của Công ty là: 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Thời gian hoạt động có thể được gia hạn (hoặc rút ngắn) với điều kiện Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty.

1. Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

2. Các cổ đông cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận theo chế độ tài chính nhà nước hiện hành, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào Công ty.

3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

4. Đại hội đồng cổ đông bầu ra thành viên Hội đồng quản trị để quản lý, lãnh đạo Công ty giữa hai nhiệm kỳ, bầu thành viên Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh và quản trị, điều hành Công ty.

5. Quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Giám đốc Công ty, Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty, về việc sử dụng các giấy phép, giấy chứng nhận, các giấy tờ khác và con dấu của Công ty trong giao dịch, về việc góp vốn cổ phần, quản lý và theo dõi vốn, tài sản của Công ty.

7. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5: Mục tiêu kinh doanh.

Mục tiêu kinh doanh của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh theo lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn lao động, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động, đảm bảo lợi ích của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo luật định. Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng, Nhà nước và của địa phương, góp phần tạo ra sản phẩm cho xã hội và thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội khác.

Điều 6: Ngành, nghề kinh doanh.

1. Công ty tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành nghề theo quy định của pháp luật.

2. Khi kinh doanh các ngành, nghề mà luật pháp, pháp lệnh hoặc nghị định quy định phải có điều kiện, có vốn pháp định, hoặc có chứng chỉ hành nghề thì Công ty chỉ được kinh doanh các ngành nghề đó khi có đủ các điều kiện, có đủ vốn hoặc được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng thông thường.

- Khai thác, chế biến sét, tận thu cát thuộc vật liệu xây dựng thông thường trong khi khai thác sét tại khu vực được phép.
- Khai thác tận thu, chế biến Bauxít.

Phạm vi hoạt động kinh doanh: các địa phương trong cả nước.

Hội đồng quản trị xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục báo cáo với các cơ quan Nhà nước về việc mở rộng, thu hẹp hoặc thay đổi phạm vi ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với tình hình cụ thể đồng thời phải báo cáo với cuộc họp Đại hội cổ đông gần nhất.

Điều 7: Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.

1. Khi thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh, vốn điều lệ, điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty và các vấn đề khác trong nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh thì Công ty phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh. Mọi trường hợp thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh ghi tại khoản này mà Công ty chưa thông báo lại với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo quy định đều không hợp lệ và không có giá trị thi hành.

2. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm làm đầy đủ các thủ tục để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 của điều này, nếu vi phạm mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân trước các cổ đông và đền bù thiệt hại cho Công ty.

Điều 8: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác.

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và quy định của điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban nữ công và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật, theo điều lệ của các tổ chức đó.

3. Công ty tạo mọi điều kiện để các tổ chức nêu tại khoản 1 và 2 của điều này hoạt động tốt theo đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 9: Quyền của Công ty.

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty do các cổ đông đóng góp, có quyền quản lý sử dụng đất đai và các nguồn lực khác được nhà nước giao, cho thuê sử dụng để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường, đổi mới công nghệ,

trang thiết bị phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh, đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở các địa phương trong cả nước.

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu...) theo nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty.

Được quyền tuyển dụng và cho thuê lao động, thử việc hoặc cho nghỉ việc theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh và theo quy định của pháp luật về lao động.

Được quyền trực tiếp thuê lao động thời vụ hoặc thuê lao động thời vụ thông qua một tổ chức, pháp nhân khác vào làm việc tại Công ty phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.

Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, đơn giá tiền lương, tiền thưởng theo kết quả sản xuất kinh doanh nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động.

Trong quá trình sản xuất, trường hợp xảy ra rủi ro về tai nạn lao động, ngoài chi phí bảo hộ lao động đền bù cho người bị nạn theo quy định hiện hành, Công ty được quyền chi bổ sung những chi phí hợp lý bằng nguồn quỹ Công ty để hỗ trợ người bị nạn cũng như các chi phí giải quyết công việc về tai nạn lao động.

6. Tự chủ kinh doanh, quyết định giá mua bán vật tư, máy móc thiết bị, nguyên liệu, sản phẩm và các dịch vụ khác, trừ các sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá.

Được quyền chủ động thuê phương tiện, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện xúc bốc, vận tải của các tổ chức, pháp nhân khác phục vụ cho việc khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Được quyền chủ động cho thuê mặt bằng, bến bãi, sân công nghệ và máy móc thiết bị trong thời hạn Công ty chưa có nhu cầu sử dụng để tăng nguồn thu cho Công ty.

Chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị thành viên Công ty thực hiện, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

7. Được quyền chi phí các khoản về giao dịch, tiếp thị, quảng cáo bán hàng theo chế độ tài chính nhà nước quy định cho mục tiêu sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Quyết định việc sử dụng, phân phối thu nhập còn lại theo đúng chế độ tài chính nhà nước hiện hành.

8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích theo quy định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

9. Các quyền khác do pháp luật quy định và điều lệ Công ty quy định ở những phần sau.

Điều 10: Nghĩa vụ của Công ty.

Theo quy định của pháp luật, Công ty có nghĩa vụ:

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành, nghề đã đăng ký.
2. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác, thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và chế độ quản lý tài chính khác theo quy định của Nhà nước.
3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
4. Đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, hàng hoá do Công ty thực hiện.
5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về Công ty và tình hình tài chính của Công ty với cơ quan đăng ký kinh doanh, khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan đăng ký kinh doanh.
6. Đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông và người lao động theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Tôn trọng quyền tổ chức Công đoàn theo pháp luật về Công đoàn.
7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh - trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh.
8. Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Điều 11: Quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động.

1. Cán bộ công nhân viên - người lao động làm việc tại Công ty được ký hợp đồng lao động theo quy định của Bộ Luật lao động.
2. Người lao động được hưởng lương, các khoản tiền thưởng căn cứ vào hợp đồng lao động và kết quả công việc cụ thể của người lao động. Mức lương của người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định.

3. Mọi chế độ như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động được Công ty thực hiện theo chế độ hiện hành.

4. Người lao động phải chấp hành đầy đủ nội quy, quy chế của Công ty, pháp luật của nhà nước và những quy định trong bản điều lệ này.

CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

MỤC 1: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ GÓP VỐN CỔ PHẦN, MỆNH GIÁ CỔ PHẦN.

Điều 12: Vốn điều lệ, cổ phần và mệnh giá cổ phần của Công ty:

1. Vốn điều lệ của Công ty do tất cả các cổ đông tự nguyện tham gia góp vốn bằng nguồn vốn hợp pháp của mình và được ghi vào điều lệ của Công ty.

2. Vốn điều lệ được góp bằng tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ, hiện vật quy đổi ra đơn vị Việt Nam đồng tại thời điểm góp vốn.

3. Tổng số vốn điều lệ của Công ty là: 32.628.180.000 đồng (Ba mươi hai tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi ngàn đồng), được chia thành 3.262.818 số cổ phần phổ thông.

4. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) Việt Nam.

5. Việc tăng, giảm vốn điều lệ do đại hội cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.

6. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh như:

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng cho hoạt động của Công ty.

- Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh.

- Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.

- Hoạt động kinh doanh khác theo các ngành nghề của Công ty đã đăng ký.

7. Không sử dụng vốn điều lệ của Công ty để chia cho các cổ đông, trừ trường hợp đại hội cổ đông quyết định khác nhưng không trái các quy định của pháp luật.

Điều 13: Thực hiện góp vốn và cấp cổ phiếu.

1. Các cổ đông phải góp vốn đầy đủ và đúng như đã cam kết. Trường hợp có cổ đông không góp đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được coi là nợ của cổ đông đó đối với Công ty. Cổ đông đó phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không góp đủ và đúng hạn số vốn cổ phần đã cam kết.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thông báo bằng văn bản về trường hợp không góp đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết nói điểm 1 khoản này cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày hết thời hạn

cam kết góp vốn. Sau thời hạn này, nếu không có thông báo bằng văn bản đến cơ quan đăng ký kinh doanh, thì cổ đông chưa có đủ vốn và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với Công ty về phần vốn chưa góp và các thiệt hại phát sinh do không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết.

2. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, cổ đông được Công ty ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông và được cấp cổ phiếu.

Điều 14: Sổ đăng ký cổ đông.

1. Công ty lập và lưu trữ sổ đăng ký cổ đông ngay sau khi đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 điều 121 Luật doanh nghiệp.

2. Tư cách cổ đông bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

a/ Đã chết hoặc bị toà án tuyên bố là đã chết, mất tích.

b/ Bị hạn chế hoặc mất khả năng hành vi dân sự hoặc bị pháp luật cấm góp cổ phần.

c/ Cổ đông là pháp nhân bị giải thể

d/ Tự nguyện rút khỏi Công ty.

đ/ Chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác.

Trường hợp chấm dứt tư cách cổ đông theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 điều này thì Công ty vẫn có quyền sử dụng tài sản tương ứng với trách nhiệm của cổ đông để thực hiện nghĩa vụ của Công ty. Trường hợp chấm dứt tư cách cổ đông theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 điều này thì cổ đông đó phải liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của Công ty phát sinh trước khi rút khỏi Công ty (hoặc chuyển nhượng hết cổ phần) và đăng ký việc chấm dứt tư cách cổ đông với Hội đồng quản trị Công ty để xoá tên trong sổ đăng ký cổ đông.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI LOẠI CỔ ĐÔNG CÁC LOẠI CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU.

Điều 15: Quy định chung về cổ đông.

1. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đầy đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

2. Người đại diện của cổ đông là pháp nhân tại Công ty:

a/ Người đại diện của cổ đông là pháp nhân:

Đôi với cổ đông là pháp nhân, người đại diện là người do người đứng đầu pháp nhân đó cử theo thủ tục quy định và tham gia Hội đồng quản trị, ban kiểm soát của Công ty nếu được đại hội đồng cổ đông bầu và trúng cử.

b/ Trong trường hợp pháp nhân mới được sát nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ của Công ty, thì pháp nhân mới này phải gửi cho hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sát nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để hội đồng quản trị xử lý các vấn đề liên quan đến cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện cho cổ đông là pháp nhân. Trường hợp cổ đông là pháp nhân khác thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ này.

3. Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền bằng văn bản cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty cổ phần.

4. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi hội đồng quản trị Công ty.

Điều 16: Các loại cổ phần.

1. Công ty có cổ phần phổ thông, người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.

- Trong quá trình hoạt động có thể chào bán cổ phần phổ thông hoặc cổ phiếu ưu đãi, số lượng do đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

2. Tại thời điểm đăng ký thành lập, Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần là cổ phần phổ thông.

Ngoài ra theo kế hoạch huy động vốn do đại hội đồng cổ đông quyết định, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi khác chào bán với số lượng do đại hội đồng cổ đông quyết định gồm các loại sau đây:

a/ Cổ phần ưu đãi cổ tức (là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức).

b/ Cổ phần ưu đãi hoàn lại (là cổ phần sẽ được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại).

3. Số lượng từng loại cổ phần ưu đãi, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông nắm sở hữu các loại cổ phần ưu đãi nói tại khoản 2 điều này do đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

4. Người được quyền mua cổ phiếu ưu đãi cổ tức và cổ phần ưu đãi hoàn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu có các quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau. Chỉ có cổ đông phổ thông mới có quyền tham dự và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.

6. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

7. Khi có cổ phần ưu đãi nêu tại khoản 2 điều này, đại hội đồng cổ đông Công ty sẽ quyết định cụ thể các quyền và nghĩa vụ của từng loại cổ đông nắm giữ các cổ phần ưu đãi đó.

Điều 17: Quyền của cổ đông phổ thông.

Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a/ Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b/ Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c/ Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d/ Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ/ Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e/ Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g/ Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h/ Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i/ Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông phổ thông (hoặc nhóm cổ đông phổ thông) có sở hữu lớn hơn hoặc bằng 5% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng theo sổ đăng ký cổ đông Công ty (trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông lần đầu) có quyền:

a/ Đề cử người vào hội đồng quản trị và ban kiểm soát, Số người được đề cử tuân theo quy định sau:

+ Đề cử vào thành viên HĐQT: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

+ Đề cử vào thành viên ban kiểm soát : Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

+ Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

b/ Yêu cầu hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Giám đốc Công ty giải trình bằng văn bản gửi cho cổ đông khi:

+ Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính.

+ Có dấu hiệu Công ty thất bại trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

+ Phát hiện lãnh đạo Công ty có dấu hiệu tham nhũng hoặc cố ý làm trái gây thiệt hại cho Công ty.

+ Các trường hợp cần thiết khác.

+ Yêu cầu của cổ đông phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân đối với cổ đông là cá nhân, tên địa chỉ thường trú, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần, của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong số cổ phần của công ty, vấn đề cần giải trình, mục đích giải trình.

c/ Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông.

d/ Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và điều 136 Luật doanh nghiệp.

e/ Các quyền khác quy định lại Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Điều 18: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 19: Cổ phiếu.

1. Chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 120 của Luật doanh nghiệp.

2. Mọi cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và được đóng dấu Công ty. Cổ phiếu phát hành theo mẫu thống nhất do Bộ Tài chính quy định.

Các nội dung chủ yếu ghi trong cổ phiếu là:

+ Tên trụ sở Công ty

+ Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- + Số lượng cổ phần và loại cổ phần
- + Mệnh giá của mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu
- + Tên cổ đông đối với cổ phiếu ghi danh
- + Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty
- + Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu

3. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần và đăng ký tên vào sổ lưu trữ cổ đông của Công ty đều có quyền nhận một số cổ phiếu cho tất cả các cổ phần của mình.

4. Loại cổ phiếu mua trả chậm: là loại cổ phiếu giải quyết theo chính sách đối với người lao động nghèo tại doanh nghiệp nhà nước chuyển sang Công ty cổ phần. Loại cổ phiếu này chỉ được chuyển nhượng hoặc thừa kế sau khi cổ đông đã trả hết số tiền được mua cổ phần trả chậm cho Công ty.

- Những cổ đông mua cổ phần trả chậm thì việc phân chia cổ tức vẫn phân chia theo số cổ phần cổ đông đã mua. Nhưng số tiền cổ tức cổ đông dùng để trả dần vào giá trị cổ phần trả chậm mà cổ đông đã mua.

- Trường hợp cổ đông không còn làm việc ở Công ty thì phải trả hết nợ mới được sở hữu toàn bộ cổ phiếu đã mua trả chậm, nếu không trả hết nợ thì chỉ sở hữu phần cổ phiếu đã trả tiền, phần còn lại hoàn trả ngân sách nhà nước.

5. Nếu một cổ phiếu bị rách, bị mờ, bị hư hỏng hoặc bị mất có thể thay thế cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của hội đồng quản trị.

6. Tất cả các cổ phiếu của Công ty đều là cổ phiếu có ghi tên và được tự do chuyển nhượng trừ các cổ phiếu của người lao động nghèo tại doanh nghiệp.

Điều 20: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.

1. Các cổ đông có cổ phiếu loại chuyển nhượng không điều kiện, được tự do chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Các cổ đông có cổ phiếu mua trả chậm chỉ được quyền chuyển nhượng khi đã trả đủ hết số tiền được vay.

3. Cổ phiếu phát hành thêm.

Khi Công ty cần tăng vốn điều lệ thì sẽ phát hành thêm cổ phiếu.

4. Tham gia thị trường chứng khoán:

a/ Công ty tham gia thị trường chứng khoán khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

b/ Trước khi trình đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét phải triệu tập đại hội đồng cổ đông để quyết định tham gia thị trường chứng khoán. Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua các nội dung cơ bản trong đơn và các vấn đề có liên quan.

Điều 21: Thừa kế cổ phiếu.

1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

- Người thừa kế duy nhất theo luật định.

- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền theo quy định của pháp luật. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.

2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế quyền.

MỤC 3: CÁC TRƯỜNG HỢP CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN YÊU CẦU CÔNG TY MUA LẠI CỔ PHẦN.

Điều 22: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại điều lệ Công ty và quyết định khác mà cổ đông cho là xâm phạm đến quyền của mình, có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó có nêu rõ họ và tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định các vấn đề nói tại khoản này.

2. Trong 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại khoản 1 điều này, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc: giá trị vốn gốc đã góp cộng với số lãi trên vốn góp do trượt giá, lạm phát do Nhà nước công bố ở từng thời kỳ và mức tăng trưởng của vốn điều lệ Công ty theo tỷ lệ vốn góp do lợi nhuận hàng năm mang lại.

Trường hợp không thoả thuận được về giá, cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Việc thanh toán tiền mua lại cổ phần chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 23: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng do đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác (nếu có) hội đồng quản trị Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác, thì giá trị mua lại không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm mua.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại, hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

Điều 24: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại các điều 129 và 130 của Luật doanh nghiệp, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại các điều 129 và 130 Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.

3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo điều đó cho các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, LẬP QUỸ VÀ TRẢ CỔ TỨC

Điều 25: Chế độ tài chính.

Công ty phải mở sổ sách kế toán và lập các báo cáo theo pháp lệnh kế toán thống kê của nhà nước hiện hành.

1. Niên khoá tài chính của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12 dương lịch hàng năm. Niên khoá đầu tiên tính từ ngày đăng ký kinh doanh được bàn giao cho hội đồng quản trị và kết thúc vào ngày 31/12 năm đó.

2. Cuối niên khoá hội đồng quản trị xem xét, thông qua các bảng tổng kết để trình đại hội đồng cổ đông.

- Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Các bảng tổng kết này phải được gửi đến các thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát sau 15 ngày kể từ ngày được kiểm toán độc lập thông báo kết quả kiểm toán.

3. Tài khoản ngân hàng

a/ Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

b/ Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

c/ Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

4. Chế độ kế toán

a/ Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

b/ Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

c/ Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 26: Phân phối lợi nhuận - lập quỹ - trả cổ tức:

1. Theo các quy định về chế độ tài chính do nhà nước ban hành đối với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:

Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí

Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận chung - Thuế TNDN

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân chia như sau:

- Quỹ phúc lợi, khen thưởng mức trích do HĐQT xem xét báo cáo ĐHCĐ quyết định mức trích cụ thể.

- Căn cứ tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư và phát triển của doanh nghiệp, HĐQT xem xét báo cáo ĐHCĐ phương án phân phối lợi nhuận và mức trích lập các quỹ.

- Bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty .

- Số còn lại chia cho các cổ đông hoặc chuyển sang năm sau.

2. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định. Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả.

Cổ đông không tham gia sản xuất - kinh doanh được hưởng cổ tức hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế và đã trừ các khoản trích lập các quỹ theo chế độ nhà nước quy định. Cổ đông tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng cổ tức hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế và đã trừ các khoản trích lập các quỹ theo chế độ nhà nước quy định và tiền công, các khoản thu nhập khác theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, Lập và gửi thông báo về trả cổ tức đến tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ của Cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời hạn và phương thức trả cổ tức.

4. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

5. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

6. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

7. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

8. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác

được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

10. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo pháp luật .

Điều 27: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại điều 132 của Luật doanh nghiệp thì tất cả cổ đông phải hoàn trả lại cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về số nợ đó với Công ty.

Điều 28: Báo cáo tài chính - kiểm toán:

1. Công ty phải lập các báo cáo tài chính hoạt động sản xuất kinh doanh gửi cho các cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh đồng thời báo cáo và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Kiểm toán:

Các báo cáo tài chính phải được kiểm toán nội bộ hoặc thuê ngoài, phí kiểm toán do Công ty chịu.

Mọi cổ đông đều có quyền mời một tổ chức kiểm toán có tư cách độc lập để thực hiện kiểm toán của Công ty. Cổ đông này phải chịu mọi chi phí và trách nhiệm hậu kiểm toán với Công ty và pháp luật.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và uỷ quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính

- Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 75 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

- Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.

Điều 29: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Giám đốc;
- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 30: Tổ chức bộ máy quản lý Công ty.

1. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc điều hành, các Phó giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

2. Người điều hành doanh nghiệp

a/ Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

b/ Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.

Điều 31: Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
 3. Tham dự các cuộc họp.
 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 6. Mức thù lao của thư ký công ty được hưởng do hội đồng quản trị quyết định.
- Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

MỤC 2: HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Điều 32: Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a/ Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán cho từng loại: quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
 - b/ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát.
 - c/ Xem xét và xử lý các vi phạm của hội đồng quản trị, ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty.
 - d/ Quyết định tổ chức quản lý của Công ty, tổ chức lại và giải thể Công ty.
 - đ/ Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.
 - e/ Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
 - g/ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - h/ Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - i/ Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.
3. Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty thì hội đồng quản trị phải triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu của một hoặc một nhóm người sau: Chủ tịch hội đồng quản trị, ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng quản trị; trưởng ban kiểm soát; cổ đông, Hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 điều 17 của điều lệ này. Đại hội đồng cổ đông bất

thường có nhiệm vụ và quyền hạn sau: nghị quyết, quyết định xử lý các vấn đề bất thường như: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thay thế thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát vi phạm điều lệ gây thiệt hại cho Công ty, biểu quyết sửa đổi bổ sung điều lệ, xử lý các vấn đề khẩn cấp khác thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp lệ theo quy định tại điều 38 điều lệ này, chỉ xem xét, đưa vào chương trình nghị sự của đại hội không quá 02 (hai) lần trong một năm về một vấn đề.

Điều 33: Thẩm quyền triệu tập họp đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên một năm một lần vào trước tháng 5 hàng năm. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.

2. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp.

a/ Theo quyết định của hội đồng quản trị.

b/ Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 điều 17 của điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm b khoản 2 điều này.

Trường hợp hội đồng quản trị không triệu tập thì ban kiểm soát thay thế hội đồng quản trị triệu tập họp hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp ban kiểm soát không triệu tập thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm b khoản 2 điều này có quyền thay thế hội đồng quản trị. Ban kiểm soát triệu tập họp đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.

4. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ này.

Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ kiểm tra, xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi tên cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ phần đại diện).

Điều 34: Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông.

1. Quyền dự họp các loại cổ đông.

a/ Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết có quyền tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b/ Các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại (Nếu có) do đại hội đồng cổ đông quyết định không có quyền biểu quyết, không có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông, không có quyền đề cử người vào hội đồng quản trị, ban kiểm soát của Công ty.

c/ Các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết (Nếu có)

- Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số cổ phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Có quyền biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại ý 1 điểm c khoản 1 điều này.

- Có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp tại ý 4 điểm c khoản 1 điều này.

- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác .

d/ Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc họp đại hội đồng cổ đông

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, chứng minh nhân dân, địa chỉ thường trú đối với cá nhân, tên trụ sở, mã số doanh nghiệp đối với tổ chức, số lượng cổ phần mỗi loại của cổ đông.

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông.

Điều 35: Chương trình và nội dung họp đại hội đồng cổ đông.

1. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 17 của điều lệ này và quy định của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị những vấn đề trong chương trình họp đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 3 ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị được người triệu tập đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

a/ Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

b/ Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của đại hội đồng cổ đông.

c/ Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;

d/ Những trường hợp khác quy định tại điều lệ Công ty.

Điều 36: Mời họp đại hội đồng cổ đông.

1. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu tham luận làm cơ sở để thông qua quyết định, đồng thời được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 37: Dự họp đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông có quyền dự họp quy định tại khoản 1 điều 34 điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người khác dự họp đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp uỷ quyền phải theo các quy định sau:

a. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện;

b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 38: Điều kiện, thể thức tiến hành họp đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất nêu tại khoản 1 điều này không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì tiến hành triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi(30) ngày, kể từ ngày họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này, thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, thì cuộc họp của đại hội đồng cổ đông luôn được tiến hành, không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện.

4. Chỉ có đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp.

5. Khi tiến hành đại hội, người chủ tọa đại hội đồng cổ đông phải kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông, hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (có ghi số cổ phần sở hữu).

6. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

7. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó ghi họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên người được ủy quyền, mã cổ đông dự họp, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ, các nội dung biểu quyết tại đại hội và các phương án tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

8. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

10. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

11. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

12. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

13. Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu thư ký đại hội và ban kiểm phiếu để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan tại đại hội.

Điều 39: Thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội cổ đông có quyền thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a/ Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b/ Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c/ Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d/ Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ/ Tổ chức lại, giải thể công ty;

e/ Sửa đổi và bổ sung điều lệ Công ty.

3. Các quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 điều này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

a/ Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b/ Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

c/ Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

d/ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty theo hình thức gửi thư, gửi Fax hoặc thư điện tử. Trường hợp gửi thư thì phiếu lấy ý kiến phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu, trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử phiếu lấy ý kiến phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

e/ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các vấn đề đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f/ Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.

g/ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

h/ Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 40: Biên bản họp đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu quy định tại điều 146 Luật doanh nghiệp.

2. Biên bản họp đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 41: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này, thành

viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Kiểm soát viên có quyền yêu cầu tòa án xem xét và huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 39 Điều lệ này.

2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

MỤC I: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 42: Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a/ Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.

b/ Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c/ Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán từng loại. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d/ Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, được duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán các công trình đầu tư đã thông qua đại hội đồng cổ đông.

đ/ Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm g khoản 2 Điều 32, điểm d khoản 2 Điều 53 của Điều lệ này.

e/ Bổ nhiệm, giám sát hoạt động, miễn nhiệm, cách chức giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc theo đề nghị của giám đốc. Quyết định mức lương, lợi ích khác của người điều hành doanh nghiệp, đình chỉ các quyết định của giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết và các quyết định của hội đồng quản trị. Ngoài các nhiệm vụ của giám đốc đã được quy định tại điều lệ này, hội đồng quản trị có trách nhiệm

phân công cho giám đốc công ty thực hiện các công việc phù hợp với quy định của pháp luật.

g/ Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành (các phòng, ban, đơn vị sản xuất), ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty, quy chế quản lý cán bộ, quyết định thành lập công ty con, các xí nghiệp, phân xưởng, đội trực thuộc Công ty, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác.

h/ Trình lên đại hội đồng cổ đông: Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ và cách thức sử dụng các quỹ theo quy định của đại hội đồng cổ đông và quy định của điều lệ này.

i/ Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc phương án xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

k/ Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty. Định giá tài sản góp vốn của Công ty khi liên doanh, liên kết (*không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng*).

l/ Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

m/ Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại.

n/ Trình đại hội đồng cổ đông quyết định kế hoạch huy động vốn của Công ty, kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

o/ Ban hành, giám sát thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật, mức thu chi tài chính của Công ty.

p/ Chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát việc điều hành của giám đốc và các chức danh do hội đồng quản trị trực tiếp quản lý.

q/ Quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc quyền quản lý của hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.

r/ Xem xét, quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi tên theo quy định tại điều lệ này.

t/ Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thư tín, qua fax. Mỗi thành viên hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Trường hợp thông qua quyết định bằng hỏi ý kiến thì Chủ tịch hội đồng quản trị và trưởng ban kiểm soát phải lập biên bản về số thành viên hội đồng quản trị có ý kiến trả lời và bảo quản các văn bản, thư tín, fax theo quy định của pháp luật về lưu trữ, bảo quản tài liệu của Công ty cổ phần.

4. Số lượng thành viên hội đồng quản trị ít nhất là ba(03) người và nhiều nhất là mười một(11) người.

- Cơ cấu thành viên HĐQT cần đảm bảo :

+ Sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực kinh doanh của công ty

+ Sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên HĐQT không điều hành .

- Việc biểu quyết bầu thành viên hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Hội đồng quản trị có 01 Chủ tịch, 01 phó Chủ tịch và các uỷ viên. Nhiệm kỳ của hội đồng quản trị là 05 năm. Trường hợp đại hội đồng cổ đông không bầu hội đồng quản trị theo đúng nhiệm kỳ trên thì hội đồng quản trị đã được bầu ở nhiệm kỳ trước mặc nhiên tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ cho đến khi đại hội đồng cổ đông bầu hội đồng quản trị mới, thành viên hội đồng quản trị có thể được bầu lại.

Trong nhiệm kỳ, đại hội đồng cổ đông có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

Cơ quan thường trực của hội đồng quản trị gồm Chủ tịch, phó Chủ tịch và 01 thư ký do hội đồng quản trị cử, có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày theo thẩm quyền.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

- Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 43: Tiêu chuẩn thành viên hội đồng quản trị.

Thành viên hội đồng quản trị phải là người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Là cổ đông nắm giữ ít nhất là 0,65% vốn điều lệ hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty cổ phần khai thác chế biến khoáng sản Hải Dương.

2. Thành viên hội đồng quản trị phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên môn nghiệp vụ hoặc chính trị. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

3. Có đủ sức khỏe đảm đương công việc, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết luật pháp.

4. Không thuộc các đối tượng cấm của pháp luật.

Điều 44: Chủ tịch, thành viên hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty.

2. Chủ tịch hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a/ Lập chương trình, kế hoạch hoạt động hội đồng quản trị.

b/ Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp hội đồng quản trị, tổ chức thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị.

c/ Tổ chức việc thông qua quyết định của hội đồng quản trị dưới hình thức khác.

d/ Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của hội đồng quản trị.

đ/ Tổ chức hoạt động của hội đồng quản trị đúng pháp luật về điều lệ này.

Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện và kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.

c/ Chủ tọa họp đại hội cổ đông.

f/ Ủy quyền cho một thành viên hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được ủy quyền trong thời gian Chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt.

g/ Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì phó Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và phó Chủ tịch đều vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì các thành viên còn lại chọn một trong số họ tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội đồng quản trị.

4. Thành viên hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên hội đồng quản trị như sau:

a/ Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

b/ Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ các tài liệu của Công ty liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c/ Tham dự phiên họp của hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước đại hội cổ đông và trước hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

d/ Thực hiện điều lệ của Công ty và nghị quyết của đại hội cổ đông, nghị quyết của hội đồng quản trị.

e/ Thành viên hội đồng quản trị đại diện cho cổ đông là pháp nhân phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp nhân đó về thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 45: Quyền lợi của thành viên hội đồng quản trị.

1. Thành viên hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách làm thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chi cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (Bao gồm cả chức Chủ tịch HĐQT, phó chủ tịch HĐQT) hoặc thành viên HĐQT làm tại các uỷ ban của HĐQT, hoặc thực hiện công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng được trả tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo thoả thuận của HĐQT.

3. Thành viên HĐQT được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp HĐQT, hoặc liên quan đến hoạt động sản xuất của Công ty.

4. Mọi chi phí hoạt động của hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 46: Cuộc họp của hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp hội đồng quản trị.

a/ Mỗi quý phải họp ít nhất 1 lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc của ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng quản trị hoặc của Giám đốc Công ty.

b/ Theo đề nghị của ban kiểm soát hoặc những người khác được quy định tại điều lệ Công ty.

2. Cuộc họp hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên tham dự. Thành viên vắng mặt có thể uỷ quyền bằng văn bản gửi đến trước phiên họp. Mỗi thành viên chỉ được đại diện cho một thành viên hội đồng quản trị vắng mặt. Quyết định của hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch hội đồng quản trị.

3. Thủ tục triệu tập và tổ chức cuộc họp hội đồng quản trị do quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định.

4. Cuộc họp hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản, có đủ các nội dung chủ yếu quy định tại điều 154 Luật doanh nghiệp và có chữ ký của chủ tọa, thư ký. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp hội đồng quản trị. Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến thì phải kèm theo tài liệu chứng minh (văn bản, thư tín, fax...) việc thông qua quyết định theo quy định tại điều lệ này.

5. Hội đồng quản trị họp để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Trường hợp nội dung cuộc họp liên quan đến các ngành chức năng như các dự án đầu tư lớn, các dự án liên doanh với nước ngoài thì phải mời các ngành có liên quan đến. Nếu liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động thì phải mời đại diện của Công đoàn đến dự. Đại biểu không phải thành viên hội đồng quản trị được mời dự họp chỉ được tham gia phát biểu ý kiến, không có quyền biểu quyết.

Điều 47: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên hội đồng quản trị.

1. Thành viên hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, phó Giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Nhưng thành viên hội đồng quản trị có trách nhiệm giữ bí mật, không được tiết lộ thông tin ra bên ngoài.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu, phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu các thành viên hội đồng quản trị.

Điều 48: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên hội đồng quản trị.

1. Thành viên hội đồng quản trị đương nhiên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a/ Đã chết hoặc bị toàn án tuyên bố là đã chết, mất tích.

b/ Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực, hành vi dân sự.

c/ Cổ đông pháp nhân bị chấm dứt tư cách pháp nhân.

d/ Cá nhân mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân, hoặc đại diện cho pháp nhân không còn vốn cổ phần trong vốn điều lệ Công ty.

đ/ Từ chức.

e/ Tự ý thoái thác nhiệm vụ, hoặc bỏ nhiệm sở 5 ngày trong một tháng, hoặc 10 ngày trong một năm mà không được hội đồng quản trị chấp nhận (áp dụng đối với thành viên kiêm nhiệm việc điều hành sản xuất kinh doanh trực tiếp tại Công ty). Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng (áp dụng đối với tất cả các thành viên HĐQT).

f/ Không hoàn thành nhiệm vụ 3 năm liên.

g/ Thuộc các đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật.

h/ Các trường hợp khác do pháp luật quy định không được tham gia hội đồng quản trị hoặc do đại hội cổ đông quyết định.

2. Chủ tịch, thành viên hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hoặc các thành viên hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc bản đề nghị, hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.

3. Trường hợp Chủ tịch hội đồng quản trị đương nhiệm mất tư cách thành viên hội đồng quản trị thì thành viên hội đồng quản trị cử người thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi đại hội gần nhất.

4. Khi mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị không được tiếp tục thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của mình để chờ đại hội đồng cổ đông quyết định bãi nhiệm.

5. Thành viên hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp số thành viên hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại điều lệ Công ty thì hội đồng quản trị phải triệu tập họp đại hội cổ đông bất thường trong thời gian không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của đại hội cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm và bãi nhiệm.

MỤC 2: GIÁM ĐỐC CÔNG TY, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 49: Giám đốc Công ty, công nhân viên và công đoàn

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong hội đồng hoặc một người khác làm giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc Giám đốc có các phó Giám đốc và Kế toán trưởng do hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách

nhiệm của phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Giám đốc quy định phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc Công ty.

Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:

- Có trình độ nghiệp vụ chuyên môn từ đại học trở lên, có đủ sức khỏe đảm đương công việc, có trình độ quản lý kinh doanh, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật.

- Không thuộc các đối tượng cấm tham gia quản lý quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

3. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây

a/ Điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo pháp luật điều lệ Công ty, tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của hội đồng cổ đông và quyết định của Công ty, quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hàng ngày của Công ty.

b/ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.

c/ Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

d/ Lựa chọn và đề nghị hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác trong Công ty, trừ các chức danh do đại hội cổ đông và hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

đ/ Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của giám đốc.

e/ Tuyển dụng, kỷ luật, cho thôi việc đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền.

g/ Được hưởng lương theo quy định của hội đồng quản trị phù hợp với quy định của nhà nước.

h/ Được tham dự các cuộc họp của hội đồng quản trị đối với trường hợp giám đốc không phải là thành viên hội đồng quản trị.

i/ Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

k/ Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

z/ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và quyết định của hội đồng quản trị.

4. Từ nhiệm

Giám đốc muốn từ nhiệm thì phải có đơn gửi hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, hội đồng quản trị xem xét và quyết định. Trong thời gian chờ hội đồng quản trị quyết định miễn nhiệm, giám đốc cũ phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đó.

5. Đương nhiên mất tư cách

a/ Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Đã chết hoặc bị toà án tuyên bố là đã chết, mất tích.
- Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực, hành vi dân sự.
- Tự ý thoái thác nhiệm vụ mà không được hội đồng quản trị chấp nhận.
- Vi phạm các điều cấm đảm nhận chức vụ giám đốc do Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác quy định.
- Không đủ tiêu chuẩn khác quy định tại điểm 2 điều này.

b/ Trường hợp giám đốc bị mất tư cách, trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ khi xảy ra trường hợp quy định tại điểm a của khoản này, hội đồng quản trị phải xác định trách nhiệm của giám đốc cũ và quyết định cách chức giám đốc, bổ nhiệm người khác để thay thế.

MUC 3: BAN KIỂM SOÁT.

Điều 50: Ban kiểm soát và nhiệm vụ của ban kiểm soát.

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

a/ Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:

- Từ 21 tuổi trở lên, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định luật doanh nghiệp, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trung thực, thẳng thắn, khách quan, không thiên vị, có tinh thần đấu tranh xây dựng.
- Tích cực học tập, nắm vững chế độ chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước.
- Có trình độ học vấn chuyên môn, chính trị từ trung cấp trở lên.

- Kiểm soát viên không được giữ chức vụ quản lý, điều hành công ty. Kiểm soát viên nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong công ty.

b/ Ban kiểm soát bầu một Kiểm soát viên làm trưởng ban, Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát là 05 năm. Trong nhiệm kỳ Kiểm soát viên có thể được bầu lại. Trường hợp đại hội đồng cổ đông không bầu ban kiểm soát theo đúng nhiệm kỳ trên thì ban kiểm soát đã được bầu ở nhiệm kỳ trước mặc nhiên tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ cho đến khi đại hội cổ đông bầu ra ban kiểm soát mới.

c/ Trong nhiệm kỳ, đại hội đồng cổ đông có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ. Chế độ làm việc cho Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định khi bầu ban kiểm soát hoặc do trưởng ban kiểm soát quy định sau khi thống nhất với Chủ tịch hội đồng quản trị.

2. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức hoạt động của ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, phân công các kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc.

3. Ban kiểm soát và mỗi kiểm soát viên, dưới sự chỉ đạo và phân công của trưởng ban kiểm soát, có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a/ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

b/ Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 17 điều lệ này và quy định của Luật doanh nghiệp.

c/ Thường xuyên thông báo với hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên đại hội cổ đông.

d/ Báo cáo đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ, báo cáo tài chính và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

đ/ Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

e/ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ này.

Việc kiểm tra quy định tại các điểm a và b khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

4. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung theo quy định tại điều 48 điều lệ này.

6. Quyền lợi của các Kiểm soát viên:

- Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định. Kiểm soát viên cũng được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

- Mọi chi phí hoạt động của ban kiểm soát được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 51: Cung cấp thông tin cho ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của ban kiểm soát, trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Ban kiểm soát, Kiểm soát viên không được tiết lộ bí mật của Công ty.

Điều 52: Những người không được làm Kiểm soát viên:

1. Thành viên hội đồng quản trị, Ban giám đốc, kế toán trưởng của Công ty và những người là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của các thành viên nêu trên.

2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành phạt tù bị tòa án tước quyền hành nghề vì phạm buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

MỤC 4: MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC.

Điều 53: Trách nhiệm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, giám đốc và người điều hành khác.

1. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

2. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

a/ Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích

cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

b/ Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

c/ Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

d/ Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty được ký kết với thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, người điều hành khác, Kiểm soát viên, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan của họ chỉ được ký kết theo quy định sau:

- Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

- Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng quản trị có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

e/ Trường hợp hợp đồng quy định tại khoản 2d điều này được ký mà chưa được đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường theo giá trị thiệt hại mà người đó đã gây ra.

f/ Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Quy định chế độ trách nhiệm vật chất đối với mọi người tham gia hoạt động tại Công ty:

a/ Những người hoặc nhóm người có công nghiên cứu, thiết kế, cải tiến, đổi mới công nghệ kỹ thuật, quản lý, kinh tế làm lợi cho Công ty sẽ được thưởng với tỷ lệ thoả đáng theo kết quả làm lợi mà người đó hoặc nhóm người đó đã tạo ra.

b/ Những người hoặc nhóm người vô trách nhiệm, thiếu năng lực làm việc gây thiệt hại cho Công ty, thì người đó hoặc nhóm người đó phải có trách nhiệm bồi thường vật chất theo giá trị đã bị thiệt hại.

c/ Việc xác định giá trị làm lợi, giá trị thiệt hại do ban kiểm soát và các chuyên viên, nhân viên của Công ty do hội đồng quản trị cử ra để thẩm định báo cáo hội đồng quản trị kết luận.

Mức thưởng, mức bồi thường do hội đồng quản trị quyết định.

Sau khi có quyết định của hội đồng quản trị, mọi thành viên có liên quan phải có trách nhiệm thi hành.

4. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

a/ Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

b/ Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

- Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

c/ Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 54: Công khai thông tin và lưu trữ tài liệu của Công ty và quyền điều tra sổ sách và hồ sơ công ty.

1. Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng.

a/ Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.

- Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này và trong thời hạn 150 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..

- Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

- Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

- Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

b/ Báo cáo thường niên.

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông vào kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

3. Công ty cổ phần phải lưu giữ các tài liệu sau đây.

a/ Điều lệ Công ty, sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, sổ đăng ký cổ đông.

b/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.

c/ Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty.

d/ Biên bản họp đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, các quyết định đã được thông qua.

đ/ Bản cáo bạch đề phát hành chứng khoán.

e/ Báo cáo của ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

g/ Chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.

h/ Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

4. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 3 điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật .

5. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

a/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

b/ Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

c/ Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG VII: GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG.

Điều 55: Các trường hợp giải thể và thủ tục giải thể doanh nghiệp.

1. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ mà không có quyết định gia hạn.

2. Theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

3. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 6 tháng liên tục.

4. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

5. Việc giải thể Công ty được thực hiện theo quy định sau đây.

a/ Thông qua quyết định giải thể Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ này. Quyết định giải thể Công ty có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 1 điều 202 Luật doanh nghiệp.

b/ Thành lập tổ thanh lý tài sản để thay thế hội đồng quản trị cùng ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.

c/ Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, Công ty gửi quyết định giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty, niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở chính của Công ty và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày Trung ương trong ba số liên tiếp. Quyết định giải thể được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Trong thông báo có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

d/ Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp.

đ/ Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày thanh toán hết nợ của doanh nghiệp, tổ thanh lý phải gửi hồ sơ về giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

6. Trong thời gian thanh lý, tổ thanh lý tài sản và kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập đại hội cổ đông khi thấy cần thiết.

7. Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải giải thể trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại điều này.

Điều 56: Tổ tụng, tranh chấp.

1. Chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện của Công ty trước pháp luật và được uỷ quyền cho Giám đốc tham gia trong mọi giai đoạn tranh tụng.

2. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan nhà nước theo pháp luật hiện hành.

3. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đến hội đồng quản trị để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình, đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ cổ đông nào trong Công ty gây ra. Nếu Hội đồng quản trị không giải quyết được thì các cổ đông có thể tự mình hoặc cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII: KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 57: Khen thưởng.

Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, trong việc nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, có đóng góp lớn vào công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển Công ty thì được khen thưởng theo quy định của Công ty và quy chế khen thưởng hiện hành của nhà nước.

Những tập thể, cá nhân thường xuyên đẩy mạnh phong trào thi đua lao động giỏi, phong trào phát minh sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ được khen thưởng thoả đáng theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 58: Kỷ luật.

1. Tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm các quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty sẽ bị xử lý kỷ luật, bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích của doanh nghiệp, Công ty, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông, chủ nợ của Công ty hoặc người khác thì người vi phạm phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 59: Thời điểm hoạt động của Công ty.

Công ty được chính thức hoạt động khi đã làm các thủ tục sau đây:

- Xác định danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước hoặc có Công ty tài chính bảo lãnh bán hết số cổ phần còn lại.

- Đã bầu hội đồng quản trị, ban kiểm soát và cử giám đốc điều hành.

- Đại hội cổ đông đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong bản điều lệ này.

- Đã giao quyền quản trị Công ty cho hội đồng quản trị.

- Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo pháp luật hiện hành.

Điều 60: áp dụng các điều khoản của điều lệ Công ty.

Trong trường hợp nội dung các điều khoản điều lệ này trái với các quy định của pháp luật thì Công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 61: Thể thức sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.

Mọi sửa đổi, bổ sung điều lệ không được trái với quy định hiện hành của Nhà nước, phải được đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 62: Quản lý và sử dụng con dấu.

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của công ty và con dấu được khắc theo quy định pháp luật Khi thực hiện nhiệm vụ của mình, Chủ

tịch hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát, giám đốc đóng dấu Công ty. Mọi văn bản, chứng từ có đóng dấu nhưng không có chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hoặc người được họ uỷ quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật đều không có giá trị pháp lý mà chỉ có giá trị tham khảo.

2. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 63: Điều khoản cuối cùng.

Điều lệ này gồm 9 chương, 63 điều đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương nhất trí thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2018 và được HĐQT Công ty thống nhất sửa đổi ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 diễn ra ngày 28 tháng 8 năm 2019. Điều lệ này được lập bằng tiếng Việt Nam có giá trị pháp lý kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2020 để quy định nguyên tắc hoạt động và giải quyết các tranh chấp phát sinh của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trong điều lệ này.

Các bản trích hoặc bản sao điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị mới có giá trị và chỉ được phép gửi cho những cá nhân, những tổ chức theo quy định của pháp luật và điều lệ này./.

Hải Dương, ngày 16 tháng 01 năm 2020
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

Đào Văn Dũng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

NGÀY 16 THÁNG 01 NĂM 2020

